

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-01-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Long;

Ông Nguyễn Văn Tươi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ba – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn và con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 và các lời khai có trong vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam vào 07/3/2012. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà của cha, mẹ bà L tại thành phố Đà Nẵng được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, ông H có người đàn bà khác bên ngoài và đe dọa đến tính mạng của bà L. Đầu tháng 10 năm 2014, ông H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Đ, thị xã Đ sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà L đề nghị về đoàn tụ chung sống nhưng ông H không đồng ý. Nay bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Nhật H, sinh ngày 06/5/2014. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì con sống với bà L. Thỉnh thoảng ông H có ra thăm con nhưng không có trách nhiệm với con. Khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn ông H hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị L. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L không chịu về nhà chồng sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông H có đánh bà L một lần. Bà L muốn thuê nhà và vợ chồng sống ở thành phố Đà Nẵng nhưng ông H không đồng ý nên vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay. Do còn tình cảm với vợ nên ông H không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà L trình bày. Con sống với mẹ 03 năm nay, ông H chỉ thỉnh thoảng ra thăm. Khi ly hôn ông H giao con cho bà L trực tiếp nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn ông H; về con chung: Giao con Nguyễn Đăng Nhật H, sinh ngày 06/5/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 1.500.000đ; ông Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà L là do vợ chồng không hợp nhau, ông H có người đàn bà khác bên ngoài và đe dọa đến tính mạng của bà L; ông H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bà L không chịu về nhà chồng sống, bà L muốn thuê nhà sinh sống ở thành phố Đà Nẵng nhưng ông H không đồng ý, tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông H có đánh bà L một lần. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà L yêu cầu ly hôn ông H; ông H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để các bên đương sự về đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù không rõ mâu thuẫn của vợ chồng nhưng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau. Lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ 03 năm nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà L được ly hôn ông H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Nhật H, sinh ngày 06/5/2014. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì con sống với bà L tại thành phố Đà Nẵng. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con, ông H cũng đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi khi vợ chồng ly hôn. Do đó, HĐXX thống nhất giao con Nguyễn Đăng Nhật H cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và đủ khả năng lao động.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ. Ông H đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đ, nên buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Đăng Nhật H mỗi tháng là 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi con đến tuổi thành niên và có khả năng lao động

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H thống nhất khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông Nguyễn H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn H. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn H.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đăng Nhật H, sinh ngày 06/5/2014 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Đăng Nhật H mỗi tháng số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi con Nguyễn Đăng Nhật H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Lý đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số 0008668, ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Ông Nguyễn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã ;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sinh